TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày: 11-10-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Dũng

Bà Đặng Thị Nhung

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Ông Cao Thế Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Trần Thị B; có vợ là Trần Thị H; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 22/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 12 tháng tù về tội cướp giật tài sản, đã xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/7/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Lê Văn H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp 5, xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Hồng L và con là Lê Văn C, Lê Thị N; Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân:

Ngày 01/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/7/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Trần Văn T, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Khu vực 3, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là Trần Văn M (đã chết), mẹ: Không rõ; có vợ là Trương Thị Hồng T và con là Trần Trương Gia B; Tiền án: Không; tiền sự: 01 (Ngày 24/5/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc, thời hạn chấp hành là 12 tháng; nhân thân: Không tốt. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/7/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; Nơi cư trú: ấp 1B, xã A, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: ấp 6, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang; có mặt

2. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có mặt

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

2. Chị Trương Thị Hồng T, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; có mặt

3. Anh Trần Thanh D, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 09/7/2018 Lê Văn H qua phòng trọ Lê Văn Đ rủ đi trộm cắp tài sản, Đ đồng ý và lấy xe mô tô biển số 72L4 - 0568 của Đ chở H đi từ thị trấn T về hướng kênh 80 thước theo tuyến lộ nhựa liên xã P để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/7/2018 khi đến cầu Kênh 5 Nam thuộc ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên

Giang phát hiện Nguyễn Văn T say rượu nằm ngủ, có đậu xe Môtô Ware RS, biển số 68L1- 093.59 trên đầu cầu. Lúc này, Đ điều khiển xe qua chỗ T nằm, Đ xuống xe lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus; 01 ví da trong đó có số tiền là 1.250.000đ; 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa cửa hàng Yamaha Văn Tươi và Nguyễn Văn T; 01 thẻ Ngân hàng Sacombank; 01 giấy đăng ký xe mô tô 94E1-320.43 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T. Sau đó, Đ lên xe chở H đi về, đi được một đoạn Đ nói với H quay lại để trộm xe của T. H đồng ý và cả hai quay xe lại. H đến chổ xe của T đang đậu, lên xe đề máy điều khiển về nhà trọ của Đ. Đ lấy ví tiền vừa trộm đưa cho H 100.000đ và đưa cho Trần Thị H (vợ Đ) 1.000.000đ. Sau đó, Đ rủ Trần Văn T cùng đi bán xe mô tô trộm được để lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. T điều khiển xe vừa trộm cùng với Đ đến thành phố X bán được 3.500.000 đồng. Sau khi bán xe về đến nhà trọ Đ chia cho T và H mỗi người 700.000đ, còn lại Đ cất giữ. Sau đó, Đ kêu vợ là Trần Thị H lấy điện thoại OPPOF3 Plus đi chạy chương trình để sử dụng, H lấy điện thoại di động đến cửa hàng điện thoại di động của D bị Công an phát hiện và thu giữ.

Vật chứng thu giữ:

Các vật chứng thu giữ từ Lê Văn Đ gồm: 01 cái ví da màu đen; 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa cửa hàng Yamaha Văn Tươi và Nguyễn Văn T; 01 giấy đăng ký xe mô tô 94E1-320.43 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Ngô Kim C, địa chỉ: ấp 5, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau; 01 chìa khóa xe hiệu Honda; Tiền Việt Nam: 1.560.000 đồng.

Vật chứng thu giữ từ Trần Văn T gồm: Tiền việt Nam: 400.000 đồng;

Các vật chứng thu giữ từ Trần Thị H gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhản hiệu Novo 72L4-0568 màu đen, không gương chiếu hậu, xe bị trầy nhiều nơi, xe đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng;

Các vật chứng gồm: 01 cái ví da màu đen*;* 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa của hành Yamaha Văn Tươi và Nguyễn Văn T; 01 giấy đăng ký xe mô tô 94E1-320.43 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus, đã qua sử dụng và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Ngô Kim C đã trao trả cho chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS, ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện T kết luận về giá trị tài sản tại thời điểm tháng 7/2018 như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus có giá trị còn lại là 8.552.000đ.

- 01 xe mô tô Wave RS 68L1-093.59 có giá trị còn lại là 14.200.000đ.

- 01 cái ví da có giá trị còn lại là 20.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên là 22.772.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSVT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật hình sự đề nghị:

Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000đ đã thu được từ Trần Thị H.

Trả cho bị cáo Lê Văn Đ 01 xe mô tô nhản hiệu Nouvo 72L4- 0568 màu đen, không gương chiếu hậu, xe bị trầy nhiều nơi, xe đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ số tiền thu lợi bất chính 1.960.000đ từ việc bán xe đã thu hồi được từ Lê Văn Đ và Trần Văn T.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe hiệu Honda mà Cơ quan điều tra thu giữ.

- Bị hại Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất (chiếc xe mô tô Wave RS 68L1-093.59) số tiền 14.200.000đ, bị cáo Lê Văn H đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ, số tiền còn lại là 9.200.000đ yêu cầu các bị cáo Lê Văn Đ,

Trần Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa bà Trần Thị H đồng ý thay mặt các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền này nên đề nghị HĐXX ghi nhận; Về số tiền 1.000.000đ bị mất trộm mà Cơ quan điều tra đã thu hồi lại được, bị hại xin được nhận lại; Về các tài sản khác, bị hại đã nhận lại không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H không biết số tiền 1.000.000đ và điện thoại OPPO F3 Plus bà nhận từ bị cáo Đ là tài sản do trộm cắp mà có. Số tiền 1.000.000đ bà đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra; Về số tiền 9.200.000đ bị hại T yêu cầu các bị cáo bồi thường, bà H xin thay mặt các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền này, xin trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000đ, riêng tháng cuối trả 1.200.000đ, trả vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 10/2018, trả cho khi hết số tiền. Ngoài ra, bà xin nhận lại xe mô tô nhản hiệu Nouvo 72L4- 0568 màu đen vì xe này là tài sản chung của bà và bị cáo Đ mà bà không có lỗi trong vụ này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị B trình bày: Bà có bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ, số tiền này bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

- Các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn H, Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận gì thêm, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Về số tiền 9.200.000đ bị hại Nguyễn Văn T yêu cầu, bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn T thống nhất cho bà Trần Thị H thay mặt các bị cáo bồi thường. Bị cáo Đ xin nhận lại xe mô tô nhản hiệu Nouvo 72L4- 0568 màu đen và cho Trần Thị H nhận thay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa Lê Văn Đ, Lê Văn H, Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố. Cụ thể: Khoảng 00 giờ 30 ngày 10/7/2018 lợi dụng Nguyễn Văn T say rượu ngủ say Lê Văn Đ, Lê Văn H đã lén lút lấy trộm các tài sản gồm: 01 xe mô tô Wave RS 68L1-093.59 của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus; 01 ví da trong đó có số tiền là 1.250.000đ; 01 giấy hợp đồng mua bán xe giữa cửa hàng Yamaha Văn Tươi và Nguyễn Văn T; 01 thẻ Ngân hàng Sacombank; 01 giấy đăng ký xe mô tô 94E1-320.43 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T. Sau khi lấy trộm được tài sản, Đ cùng Trần Văn T đi đến thành phố X bán chiếc xe mô tô vừa trộm được số tiền 3.500.000 đồng. Đ chia cho T và H mỗi người 700.000đ, còn lại Đ cất giữ. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Như vậy, với ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn H đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại, lén lút trộm cắp tài sản; khi thực hiện hành vi các bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; số tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị theo định giá là 24.022.000đ. Do đó hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm":

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật".

[4] Bị cáo Trần Văn T, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ xe mô tô Wave RS 68L1-093.59 do bị cáo H và Đ trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cùng với Đ đi tìm

chỗ tiêu thụ và được hưởng lợi từ số tiền bán được này. Do đó hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận truy tố đối với hành vi của các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

[6] Bị cáo Đ không phải là người khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo tham gia tích cực vào việc phạm tội. Khi thấy bị hại T ngủ say bị cáo dừng xe lại lén lút lấy tài sản. Bị cáo là người đưa ra ý định lấy xe mô tô của bị hại T. Ngoài lần vi phạm này, vào ngày 22/11/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 12 tháng tù về tội cướp giật tài sản. Thể hiện bị cáo là người xem thường pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo H là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô của bị hại T. Ngoài lần phạm tội này, vào ngày 01/9/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" sau khi ra tù bị cáo không ăn năn hối cải, lại dấn thân vào con đường phạm tội. Song xét thấy, trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo bị cáo đã thành thật, khai báo; gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 5.000.000đ. Do đó HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với bị cáo T, bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Qua phân tích, xét thấy cần phải xử các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tập trung để cơ quan chức năng cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp.

[10] Đối với Trần Thị H do không biết tài sản do Lê Văn Đ, Lê Văn H trộm cắp mà có nên hành vi của Trần Thị H không cấu thành tội phạm.

[11] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có khai đối tượng mua xe Mô tô biển số 68 L1-093.59. Tuy nhiên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa làm rõ được đối tượng nêu trên. Do đó chưa có cơ sở để xử lý.

[12] *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000đ mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

Tịch thu sung quỹ số tiền 1.960.000đ từ việc bán xe đã thu hồi.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe hiệu Honda mà Cơ quan điều tra thu giữ do không còn giá trị sử dụng.

Về xe mô tô nhãn hiệu Nouvo 72L4- 0568 màu đen, không gương chiếu hậu, xe bị trầy nhiều nơi, đã qua sử dụng của Lê Văn Đ. Xét thấy xe này được mua từ số tiền của bị cáo và vợ bị cáo là Trần Thị H. Bà H không biết việc bị cáo dùng xe để đi trộm cắp tài sản. Do đó HĐXX thống nhất trả lại xe mô tô Nouvo 72L4- 0568 cho bị cáo Lê Văn Đ. (Bị cáo Đ yêu cầu cho bà H nhận thay).

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 9.200.000đ. Bà Trần Thị H (vợ bị cáo Đ đồng thời là mẹ vợ bị cáo T) thay mặt các bị cáo bồi thường cho bị hại T số tiền là 9.200.000đ, trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000đ, riêng tháng cuối trả 1.200.000đ, trả vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 10/2018, trả cho khi hết số tiền. Bị cáo, bị hại đều thống nhất nên HĐXX ghi nhận.

[14] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 10/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 10/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 10/7/2018.

2. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000đ.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe hiệu Honda mà Cơ quan điều tra thu giữ.

Tịch thu sung quỹ số tiền 1.960.000đ từ việc bán xe đã thu hồi.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiêu Nouvo 72L4- 0568 màu đen, không gương chiếu hậu, xe bị trầy nhiều nơi, đã qua sử dụng cho bị cáo Lê Văn Đ. (Do bà Trần Thị H nhận thay).

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/7/2018 và ngày 13/9/2018).

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị hại Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H. Bà Trần Thị H bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T số tiền là 9.200.000đ, trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000đ, riêng tháng cuối trả 1.200.000đ, trả vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 10/2018, trả cho khi hết số tiền.

Nếu bà Trần Thị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo định kỳ như đã thỏa thuận thì phía bị hại Nguyễn Văn Tỏa có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành buộc bà H trả một lần cho toàn bộ số tiền chưa trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 6; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn H, Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thi hành là 460.000đ.

5. Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã H;
- UBND xã B;
- UBND phường A;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng (PV27) CA tỉnh KG;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Vũ